

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(đã được soát xét)

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06 - 35
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 35

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Bảo Long, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000464 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 24 tháng 7 năm 2006, đăng ký chứng nhận doanh nghiệp thay đổi lần thứ mười hai số 0800308870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 07 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Tầng 3 tòa nhà VNT, số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Hà Trọng Nam	Chủ tịch	
Bà: Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên	
Bà: Nguyễn Thanh Hương	Thành viên	
Ông: Lê Đình Vinh	Thành viên	(Từ ngày 13/12/2016 đến ngày 29/4/2017)
Bà: Nguyễn Thị Dung	Thành viên	
Bà: Đỗ Thị Tú Chi	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2017)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Lan Hương	Tổng Giám đốc
--------------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Vũ Xuân Dương	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 07 năm 2017)
Ông: Lê Anh Dũng	Trưởng ban	(Từ nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2017)
Ông: Trương Thanh Tùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2017)
Bà: Vũ Thị Ngọc Lan	Thành viên	

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



*(Handwritten signature in blue ink)*

**Nguyễn Thị Lan Hương**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương được lập ngày 29 tháng 08 năm 2017, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Tại ngày 30/06/2017, Công ty đang ghi nhận một khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư (“Viptour”) với số tiền 38.567.900.000 VND về đặt cọc để nhận chuyển nhượng 3.853.010 cổ phần của Công ty Cổ phần Viptour-Togi, trong đó bao gồm số tiền 18.267.900.000 VND trong tài khoản đồng sở hữu giữa Công ty và Viptour, Công ty đang làm việc với Viptour về việc thu hồi khoản ứng trước 20.300.000.000 VND còn lại. Đồng thời Công ty có khoản phải thu Công ty TNHH VNT (“VNT”) sau khi trích lập dự phòng là 120.720.492.000 VND, tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đang làm việc với VNT để thu hồi khoản phải thu này. Chúng tôi chưa có đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của khoản phải thu và ứng trước này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không. Chi tiết xem thuyết minh số 06 và 08 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

- Tại ngày 30/06/2017, Công ty TNHH Một Thành Viên Sao Hôm Nha Trang (“Sao Hôm Nha Trang”) là Công ty con của Công ty, đang ghi nhận khoản phải thu từ cho vay ngắn hạn đối với Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Trảng Tiền Nha Trang với giá trị 162.200.000.000 VND và lãi phát sinh tương ứng là 35.552.260.551 VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Sao Hôm Nha Trang đang đánh giá khả năng thu hồi các khoản này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh dự phòng đối với khoản đầu tư vào Sao Hôm Nha Trang trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017 hay không.
- Tại ngày 30/06/2017, Công ty đang trình bày khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đại Dương Thăng Long sau khi trích lập dự phòng là 69.397.061.450 VND (chi tiết tại thuyết minh số 4) và các Công ty con (Công ty Cổ phần Viptour Togi; Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương) đang ghi nhận khoản phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là 68.001.539.503 VNĐ. Hiện tại, Công ty chưa thu thập được căn cứ để xác định số dự phòng cần trích lập. Bằng các thủ tục soát xét đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 hay không.

### Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>716.112.394.631</b>	<b>802.421.572.478</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>61.329.831.321</b>	<b>46.665.757.346</b>
111	1. Tiền		3.529.831.321	3.125.757.346
112	2. Các khoản tương đương tiền		57.800.000.000	43.540.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>408.540.235.441</b>	<b>506.166.334.943</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	13.473.341.653	11.864.341.624
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	38.654.556.776	38.784.900.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	47.423.239.434	47.212.269.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	584.024.715.453	660.887.738.990
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(275.035.617.875)	(252.582.914.671)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>239.943.034.399</b>	<b>245.502.552.627</b>
141	1. Hàng tồn kho		239.943.034.399	245.502.552.627
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.299.293.470</b>	<b>4.086.927.562</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	1.815.103
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	6.299.293.470	4.085.112.459

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.043.755.315.329</b>	<b>985.022.006.524</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>172.395.298.528</b>	<b>78.700.542.101</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	07	79.761.735.000	78.700.542.101
216	2. Phải thu dài hạn khác	08	598.101.047.092	506.255.083.564
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(505.467.483.564)	(506.255.083.564)
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.428.650.833</b>	<b>1.632.226.101</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.326.743.531	1.509.122.195
222	- Nguyên giá		2.672.451.446	2.672.451.446
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.345.707.915)	(1.163.329.251)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	101.907.302	123.103.906
228	- Nguyên giá		349.928.682	349.928.682
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(248.021.380)	(226.824.776)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>147.400.000</b>	<b>147.400.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	147.400.000	147.400.000
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	04	<b>818.815.043.657</b>	<b>852.226.600.517</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.242.786.126.467	1.242.786.126.467
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		20.662.858.800	20.662.858.800
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		90.094.700.000	90.094.700.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(534.728.641.610)	(501.317.084.750)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>50.968.922.311</b>	<b>52.315.237.805</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	50.262.867.179	50.994.759.703
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	29	706.055.132	1.320.478.102
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.759.867.709.960</b>	<b>1.787.443.579.002</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>470.666.514.607</b>	<b>480.407.229.437</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>292.339.600.789</b>	<b>298.812.505.641</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	9.228.468.155	8.712.267.263
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	7.267.861.708	12.998.113.163
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	383.837.150	501.979.413
314	4. Phải trả người lao động		348.483.654	613.377.723
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	1.702.423.718	1.955.428.524
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.075.645.872	545.633.954
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	262.815.140.571	263.617.965.640
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	8.193.362.776	8.493.362.776
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.324.377.185	1.374.377.185
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>178.326.913.818</b>	<b>181.594.723.796</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	48.326.913.818	41.594.723.796
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	130.000.000.000	140.000.000.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.289.201.195.353</b>	<b>1.307.036.349.565</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	21	<b>1.289.201.195.353</b>	<b>1.307.036.349.565</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		4.493.439.505	4.493.439.505
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		6.329.814.592	6.329.814.592
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(721.622.058.744)	(703.786.904.532)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(715.536.904.532)	(636.809.358.932)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(6.085.154.212)	(66.977.545.600)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.759.867.709.960</b>	<b>1.787.443.579.002</b>

Người lập biểu



Bùi Văn Hương

Kế toán trưởng



Phạm Lương Hoàng

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Lan Hương

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	17.319.095.610	48.826.480.179
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.319.095.610	48.826.480.179
11	4. Giá vốn hàng bán	24	11.674.202.183	31.935.138.117
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.644.893.427	16.891.342.062
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	44.404.784.290	72.218.719.615
22	7. Chi phí tài chính	26	29.012.723.154	104.796.401.459
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.351.166.294	9.322.888.613
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	25.867.504.166	10.498.240.218
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.830.549.603)	(26.184.580.000)
31	11. Thu nhập khác		2.538	3.540.000
32	12. Chi phí khác		1.000.005	4.239.095
40	13. Lợi nhuận khác		(997.467)	(699.095)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(4.831.547.070)	(26.185.279.095)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	639.184.172	2.458.308.002
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29	614.422.970	2.285.189.058
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(6.085.154.212)	(30.928.776.155)

Người lập biểu



Bùi Văn Hương

Kế toán trưởng



Phạm Lương Hoàng

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Lan Hương

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(4.831.547.070)	(26.185.279.095)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		6.476.617.336	39.607.614.298
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		203.575.268	325.848.523
03	- Các khoản dự phòng		43.326.660.064	102.177.596.777
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(44.404.784.290)	(72.218.719.615)
06	- Chi phí lãi vay		7.351.166.294	9.322.888.613
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.645.070.266	13.422.335.203
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(861.309.384)	(2.382.674.899)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		5.559.518.228	2.625.019.141
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(6.741.881.124)	(23.104.357.546)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		731.892.524	768.213.636
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(19.404.000.000)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.853.365.183)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(50.000.000)	(45.199.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.570.074.673)	(28.120.663.465)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.472.163.333)	(70.564.760.135)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.200.000.000	24.841.823.000
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	7.050.423.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		28.806.311.981	53.141.393.223
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		27.534.148.648	14.468.879.088
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(10.300.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(10.300.000.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		14.664.073.975	(13.651.784.377)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		46.665.757.346	29.261.685.275
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	61.329.831.321	15.609.900.898

Người lập biểu



Bùi Văn Hương

Kế toán trưởng



Phạm Lương Hoàng

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Thị Lan Hương

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Bảo Long, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000464 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 24 tháng 7 năm 2006, đăng ký chứng nhận doanh nghiệp thay đổi lần thứ mười hai số 0800308870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 07 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Tầng 3 tòa nhà VNT, số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/06/2017 là: 2.000.000.000.000 đồng; tương đương 200.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi;
- Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (Tập đoàn) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

### 2.4. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.6. Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

## 2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn thanh toán hoặc mức dự kiến tổn thất có thể xảy ra.

## 2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Tài sản vô hình khác	10 năm

## 2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

05 - C  
TY  
KHÁCH SẠN  
ĐẠI DƯƠNG  
TOÀN  
C  
IP - HA

#### 2.12. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

#### 2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội Cổ đông Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.17. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu bán bất động sản, quyền kinh doanh bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản, quyền kinh doanh được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## 2.19. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

30111  
CÔNG  
NHẬN  
KIỂM  
ASO  
M-TP



## 2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành.

### b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

## 2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	406.820.584	95.239.325
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.123.010.737	3.030.518.021
Các khoản tương đương tiền (*)	57.800.000.000	43.540.000.000
	<b>61.329.831.321</b>	<b>46.665.757.346</b>

(\*) Tại ngày 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc nhỏ hơn hoặc bằng 03 tháng có giá trị 57.800.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại.

#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>1.242.786.126.467</b>	<b>(520.418.143.703)</b>	<b>1.242.786.126.467</b>	<b>(486.351.206.783)</b>
- Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	172.928.550.363	(172.928.550.363)	172.928.550.363	(172.928.550.363)
- Công ty CP Du lịch Khách sạn Suối Mơ	47.209.238.000	(47.209.238.000)	47.209.238.000	(47.209.238.000)
- Công ty CP Tân Việt	109.493.338.104	-	109.493.338.104	-
- Công ty CP Bánh Givral	323.400.000.000	-	323.400.000.000	-
- Công ty CP Viptour Togi	246.832.000.000	(94.626.488.313)	246.832.000.000	(82.601.945.594)
- Công ty CP Truyền thông Đại Dương	47.000.000.000	(43.218.604.511)	47.000.000.000	(25.496.598.655)
- Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	295.923.000.000	(162.435.262.516)	295.923.000.000	(158.114.874.171)
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>20.662.858.800</b>	<b>-</b>	<b>20.662.858.800</b>	<b>-</b>
- Công ty CP Fafim Việt Nam	20.662.858.800	-	20.662.858.800	-
<b>Các khoản đầu tư khác</b>	<b>90.094.700.000</b>	<b>(14.310.497.907)</b>	<b>90.094.700.000</b>	<b>(14.965.877.967)</b>
- Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng	4.423.700.000	-	4.423.700.000	-
- Công ty CP Kính mắt Hà Nội	11.430.000.000	(9.466.559.357)	11.430.000.000	(9.466.559.357)
- Công ty CP Đại Dương Thăng Long	74.241.000.000	(4.843.938.550)	74.241.000.000	(5.499.318.610)
	<b>1.353.543.685.267</b>	<b>(534.728.641.610)</b>	<b>1.353.543.685.267</b>	<b>(501.317.084.750)</b>

##### Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết (*)	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	Quảng Nam	95,62%	74,00%	Kinh doanh khách sạn
- Công ty CP Du lịch Khách sạn Suối Mơ	Quảng Ninh	83,00%	83,00%	Kinh doanh khách sạn
- Công ty CP Tân Việt	Nha Trang	51,42%	51,42%	Kinh doanh khách sạn
- Công ty CP Bánh Givral	Hồ Chí Minh	99,68%	98,00%	Sản xuất, kinh doanh các loại bánh
- Công ty CP Viptour Togi	Hà Nội	80,00%	80,00%	Kinh doanh khách sạn
- Công ty CP Truyền thông Đại Dương	Hà Nội	94,00%	94,00%	Truyền thông
- Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	Nha Trang	100,00%	100,00%	Kinh doanh khách sạn

(\*) Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư và Công ty CP Bánh Givral được xác định theo tỷ lệ vốn cam kết góp của Công ty. Tỷ lệ vốn góp của Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương tại 2 công ty này được xác định theo vốn thực góp.

##### Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Fafim Việt Nam	Hà Nội	21,17%	21,17%	Sản xuất, xuất nhập khẩu phim

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, liên kết trong kỳ: Xem Thuyết minh 34.

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Số cổ phần nắm giữ	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng	Hồ Chí Minh	442.370	Tư vấn thiết kế, xây lắp
- Công ty CP Kính mắt Hà Nội	Hà Nội	375.000	Sản xuất, kinh doanh kính mắt
- Công ty CP Đại Dương Thăng Long	Hà Nội	7.424.100	Kinh doanh, đầu tư vốn

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	4.356.474.461	4.054.813.629
- Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	4.956.385.715	4.138.332.641
- Các khoản phải thu khách hàng khác	4.160.481.477	3.671.195.354
	<b>13.473.341.653</b>	<b>11.864.341.624</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)	<b>9.645.318.701</b>	<b>8.531.788.055</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Du lịch và Xúc tiến Đầu tư nay là Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư (Viptour) (*)	38.567.900.000	-	38.567.900.000	-
- Các khoản trả trước người bán khác	86.656.776	-	217.000.000	-
	<b>38.654.556.776</b>	<b>-</b>	<b>38.784.900.000</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là khoản đặt cọc để nhận chuyển nhượng 3.853.010 cổ phần của Công ty CP Viptour - Togi, tương ứng với 19% số cổ phần còn lại trong Công ty con này của Công ty, trong đó bao gồm số tiền: 18.267.900.000 đồng trong tài khoản đồng sở hữu giữa Công ty và Viptour mở tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank). Tại ngày 30/08/2016, Công ty đã có biên bản làm việc với Công ty Viptour về việc đồng ý chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng, Công ty Viptour có trách nhiệm hoàn trả lại tiền và sử dụng toàn bộ cổ phiếu của Công ty CP Viptour - Togi làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả tiền của Viptour.

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	30/06/2017	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công ty CP Viptour - Togi <sup>(1)</sup>	43.174.163.333	43.000.000.000
- Công ty CP Du lịch Khách sạn Suối Mơ <sup>(2)</sup>	4.249.076.101	4.212.269.000
	<b>47.423.239.434</b>	<b>47.212.269.000</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công ty CP Du lịch Khách sạn Suối Mơ <sup>(2)</sup>	25.371.168.000	26.607.975.101
- Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang <sup>(3)</sup>	54.390.567.000	52.092.567.000
	<b>79.761.735.000</b>	<b>78.700.542.101</b>

**Thông tin các khoản cho vay ngắn hạn**

(1) Khoản cho Công ty CP Viptour - Togi vay gồm 02 hợp đồng và thỏa thuận hỗ trợ vốn sau:

- Hợp đồng hỗ trợ vốn số 03/2016/HĐCV/OCH-SHNT ngày 04/02/2016, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 10%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 43.000.000.000 đồng.
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn Số 01/2017/TTHTV/OCH-VIPTOURTOGI ngày 12/01/2017, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 11%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 174.163.333 đồng.

**Thông tin các khoản cho vay dài hạn**

(2) Khoản cho vay đối với Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ bao gồm 04 hợp đồng cho vay:

- 2 Hợp đồng gồm: Hợp đồng số 25/2011/OCH-SM ngày 06/05/2011 và hợp đồng số 30/2011/OCH-SM ngày 19/08/2011 kèm theo các phụ lục và văn bản sửa đổi Hợp đồng ngày 24/03/2016. Thời hạn cho vay là 11 năm từ ngày giải ngân. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 28.920.244.101 đồng.
- 2 Hợp đồng gồm: Hợp đồng số 0810/2013/HĐCV/OCH-SM ngày 08/10/2013 và hợp đồng số 01/2014/HĐCV/OCH-SM ngày 10/01/2014. Thời hạn cho vay là 05 năm kể từ ngày chuyển tiền. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 700.000.000 đồng.

(3) Khoản cho vay đối với Công ty TNHH Một thành viên Sao hôm Nha Trang bao gồm 11 Hợp đồng và Thỏa thuận hỗ trợ vốn:

- Hợp đồng số 25/2015/HĐCV/OCH-SHNT ngày 15/12/2015 kèm theo văn bản sửa đổi hợp đồng ngày 25/05/2016 thời hạn từ ngày chuyển tiền cho đến hết 31/12/2023, lãi suất 11%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 8.978.000.000 đồng.
- Hợp đồng số 23/2015/HĐCV/OCH-SHNT ngày 26/11/2015, hợp đồng số 01/2016/HĐCV/OCH-SHNT ngày 11/01/2016 và hợp đồng số 02/2016/HĐCV/OCH-SHNT ngày 01/02/2016, kèm theo văn bản sửa đổi hợp đồng ngày 25/05/2016. Thời hạn đến hết ngày 31/12/2023, lãi suất 11%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 6.941.567.000 đồng.
- Hợp đồng số 05/2016/HĐCV/OCH-SHNT ngày 31/03/2016, hợp đồng số 07/2016/HĐCV/OCH-SHNT ngày 01/06/2016, thỏa thuận hỗ trợ vốn số 08/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 30/06/2016, thỏa thuận hỗ trợ vốn số 09/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 28/07/2016 và thỏa thuận hỗ trợ vốn số 10/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 08/11/2016. Thời hạn của khoản cho vay là 10 năm, lãi suất 11%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 27.700.000.000 đồng.
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 10/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 08/11/2016, thỏa thuận hỗ trợ vốn số 11/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 14/11/2016 và thỏa thuận hỗ trợ vốn số 12/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 29/11/2016. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất 11%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 8.473.000.000 đồng.
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 01-1/2017/TTHTV/OCH-SHNT ngày 04/01/2017. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất hỗ trợ 10%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 2.298.000.000 đồng

## 8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Ông Hà Trọng Nam <sup>(1)</sup>	128.161.447.928	(128.161.447.928)	128.161.447.928	(128.161.447.928)
- Bà Hứa Thị Bích Hạnh <sup>(2)</sup>	56.794.444.446	(56.794.444.446)	56.794.444.446	(56.794.444.446)
- Công ty TNHH VNT <sup>(3)</sup>	201.200.820.000	(80.480.328.000)	201.200.820.000	(60.360.246.000)
- Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Trảng An <sup>(4)</sup>	21.106.666.666	(8.442.666.667)	21.106.666.666	(6.332.000.000)
- Phải thu Công ty CP Du lịch Khách sạn Suối Mơ tiền lãi cho vay	-	-	21.542.294.083	-
- Phải thu Công ty TNHH MTV Sao hôm Nha Trang tiền đặt cọc <sup>(5)</sup>	162.000.000.000	-	162.000.000.000	-
- Phải thu Công ty TNHH MTV Sao hôm Nha Trang tiền lãi cho vay và lãi đặt cọc	-	-	57.660.770.860	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Viptour - Togi tiền lãi cho vay	6.133.529.280	-	3.965.555.556	-
- Phải thu khác	8.627.807.133	-	8.455.739.451	-
	<b>584.024.715.453</b>	<b>(273.878.887.041)</b>	<b>660.887.738.990</b>	<b>(251.648.138.374)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ông Hà Trọng Nam <sup>(1)</sup>	499.212.400.000	(499.212.400.000)	500.000.000.000	(500.000.000.000)
- Phải thu Công ty CP Du lịch Khách sạn Suối Mơ tiền lãi cho vay	23.210.222.025	-	-	-
- Phải thu Công ty TNHH MTV Sao hôm Nha Trang tiền lãi cho vay và lãi đặt cọc	69.423.341.503	-	-	-
- Phải thu khác	6.255.083.564	(6.255.083.564)	6.255.083.564	(6.255.083.564)
	<b>598.101.047.092</b>	<b>(505.467.483.564)</b>	<b>506.255.083.564</b>	<b>(506.255.083.564)</b>

<sup>(1)</sup> Khoản ứng trước cho ông Hà Trọng Nam (Bên liên quan của công ty) theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2510/2010/HĐ-CNCP ngày 25 tháng 10 năm 2010 về việc Công ty nhận chuyển nhượng 634.700 cổ phần của Công ty Cổ phần Trảng Tiền từ một nhóm cổ đông. Tại ngày 05 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký phụ lục hợp đồng số 05 với ông Hà Trọng Nam. Theo đó, hai bên thỏa thuận dừng thực hiện chuyển nhượng cổ phần và ông Hà Trọng Nam có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ gốc và lãi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày ký kết phụ lục.

Khoản phải thu gốc và lãi phải thu đã được trích lập dự phòng 100% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2015. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang tiến hành các thủ tục để thu hồi gốc và lãi khoản phải thu trên.

<sup>(2)</sup> Phải thu bà Hứa Thị Bích Hạnh bao gồm:

- Khoản tiền 40.000.000.000 VNĐ chuyển cho bà Hạnh theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 16/2012/HĐGV-OCH ngày 06 tháng 03 năm 2012 để kinh doanh chứng khoán, với thời hạn 12 tháng, Hợp đồng hết hạn từ 31/03/2013 và được gia hạn đến 31/03/2015.

- Khoản tiền 16.794.444.446 VNĐ là tiền lãi tính trên khoản tiền chuyển cho bà Hứa Thị Bích Hạnh theo hợp đồng góp vốn đầu tư số 16/2012/HĐGV-OCH ngày 06 tháng 03 năm 2012 nêu trên.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với toàn bộ khoản phải thu này theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Công ty cũng đang tiến hành các thủ tục để thu hồi gốc và lãi khoản phải thu trên.

(3) Đây là khoản phải thu theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 3008/2013/ĐTĐT/VNT-OCH ngày 30 tháng 8 năm 2013 để thực hiện Dự án khu số 1 thuộc Khu đô thị mới phía Nam thành phố Bắc Giang với Công ty TNHH VNT. Ngày 19 tháng 10 năm 2015 hai bên đã lập biên bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty TNHH VNT có nghĩa vụ phải hoàn trả số tiền Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương đã góp vốn. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi 40% đối với khoản phải thu này theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Công ty cũng đang tiến hành các thủ tục để thu hồi khoản phải thu này.

(4) Khoản phải thu Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Trảng An bao gồm:

- Khoản tiền 20.000.000.000 VNĐ là khoản đặt cọc theo hợp đồng số 33/2014/HĐĐC/OCH-TA với Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Trảng An ngày 09 tháng 9 năm 2015 để thuê văn phòng. Theo Công văn số 08A/2016/CV-OCH ngày 15 tháng 1 năm 2016, Hợp đồng đặt cọc đã chấm dứt và Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Trảng An phải hoàn lại số tiền đặt cọc trên cho OCH.
- Khoản tiền 1.106.666.666 VNĐ là lãi phải thu của khoản tiền 20.000.000.000 VNĐ nêu trên tính từ ngày nhận đặt cọc là ngày 10 tháng 9 năm 2015 đến ngày 22 tháng 02 năm 2016.  
Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi 40% đối với khoản phải thu này theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Công ty đang thực hiện các thủ tục để thu hồi gốc và lãi khoản phải thu trên.

(5) Khoản phải thu Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang là khoản tiền 162.000.000.000 VNĐ phải thu từ việc thanh lý khoản đặt cọc ngày 30/03/2014 để cho Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Trảng Tiên Nha Trang vay. Theo điều khoản thanh lý hợp đồng đặt cọc, Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang có nghĩa vụ thanh toán tiền đặt cọc và sẽ chịu lãi suất 11%/ năm nếu không thanh toán đúng hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang tiến hành các thủ tục để thu hồi gốc và lãi khoản phải thu này.

## 9. NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Ông Hà Trọng Nam	627.373.847.928	-	628.161.447.928	-
+ Bà Hứa Thị Bích Hạnh	56.794.444.446	-	56.794.444.446	-
+ Công ty TNHH VNT	201.200.820.000	120.720.492.000	201.200.820.000	140.840.574.000
+ Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Trảng An	21.106.666.666	12.663.999.999	21.106.666.666	14.774.666.666
+ Các đối tượng khác	7.616.756.719	204.942.321	7.616.756.719	426.896.858
	<b>914.092.535.759</b>	<b>133.589.434.320</b>	<b>914.880.135.759</b>	<b>156.042.137.524</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	98.620.269	-	99.048.315	-
- Công cụ, dụng cụ	108.731.559	-	110.603.559	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (1)	217.517.052.580	-	217.442.052.580	-
- Hàng hóa bất động sản (2)	22.218.629.991	-	27.850.848.173	-
	<b>239.943.034.399</b>	<b>-</b>	<b>245.502.552.627</b>	<b>-</b>

(1) Đây là chi phí dự án Saigon Airport Plaza tại quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Pegasus Thăng Long, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và chi phí xây dựng lũy kế của dự án. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 41/2015/NQ-HĐQT ngày 29/10/2015 thống nhất: Dừng thi công dự án Khách sạn Saigon Airport Plaza để bán. Hiện tại dự án đang được thế chấp tại Ngân hàng OceanBank để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH Pegasus Thăng Long.

(2) Đây là quyền kinh doanh, khai thác và sử dụng 93 phòng Khách sạn StarCity Nha Trang, khách sạn đã hoàn thành và đưa vào kinh doanh từ ngày 15/01/2016. Tính đến thời điểm 30/06/2017, Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương đã thực hiện bàn giao cho khách hàng 65 phòng, phần còn lại Công ty đang tiếp tục hoàn thành các thủ tục để bàn giao cho khách hàng.

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Mua sắm Tài sản cố định</b>	<b>147.400.000</b>	<b>147.400.000</b>
- Phần mềm kế toán hợp nhất Bravo 7.0	147.400.000	147.400.000
	<b>147.400.000</b>	<b>147.400.000</b>

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	1.602.922.900	1.069.528.546	2.672.451.446
Số dư cuối kỳ	<b>1.602.922.900</b>	<b>1.069.528.546</b>	<b>2.672.451.446</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	859.341.223	303.988.028	1.163.329.251
- Khấu hao trong kỳ	128.902.236	53.476.428	182.378.664
Số dư cuối kỳ	<b>988.243.459</b>	<b>357.464.456</b>	<b>1.345.707.915</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	743.581.677	765.540.518	1.509.122.195
Tại ngày cuối kỳ	<b>614.679.441</b>	<b>712.064.090</b>	<b>1.326.743.531</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 221.896.000 VND

### 13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	114.000.000	235.928.682	349.928.682
Số dư cuối kỳ	<b>114.000.000</b>	<b>235.928.682</b>	<b>349.928.682</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	104.602.162	122.222.614	226.824.776
- Khấu hao trong kỳ	9.397.838	11.798.766	21.196.604
Số dư cuối kỳ	<b>114.000.000</b>	<b>134.021.380</b>	<b>248.021.380</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	9.397.838	113.706.068	123.103.906
Tại ngày cuối kỳ	-	<b>101.907.302</b>	<b>101.907.302</b>

### 14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	14.146.799	19.817.918
- Chi phí sửa chữa văn phòng làm việc	61.347.328	84.352.575
- Chi phí thuê đất dự án KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội (*)	50.168.491.516	50.871.788.128
- Các khoản khác	18.881.536	18.801.082
	<b>50.262.867.179</b>	<b>50.994.759.703</b>

(\*) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2013/HDHT/VS-OCH ngày 17/10/2013 giữa Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương với Công ty CP Đầu tư Phát triển và Kinh doanh Công trình Công nghiệp Việt Sing, Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương phải trả tiền thuê đất một lần tại KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội để có quyền sử dụng đất đến ngày 28/09/2053. Hiện tại Công ty đang cho các đối tác thuê dự án này và chi phí sẽ được phân bổ vào Kết quả kinh doanh theo thời gian thuê đất.



**15. CÁC KHOẢN VAY**

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- Công ty Cổ phần dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư <sup>(1)</sup>	8.493.362.776	8.493.362.776	-	300.000.000	8.193.362.776	8.193.362.776
	<b>8.493.362.776</b>	<b>8.493.362.776</b>	-	<b>300.000.000</b>	<b>8.193.362.776</b>	<b>8.193.362.776</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Công ty Cổ phần Bánh Givral <sup>(2)</sup>	140.000.000.000	140.000.000.000	-	10.000.000.000	130.000.000.000	130.000.000.000
	<b>140.000.000.000</b>	<b>140.000.000.000</b>	-	<b>10.000.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>
	-	-	-	-	-	-
<b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>	<b>140.000.000.000</b>	<b>140.000.000.000</b>			<b>130.000.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

**Khoản đến hạn trả sau 12 tháng**

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng vay vốn số 18/2014/HĐVV/OCH-IOC ngày 28/04/2014 kèm Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 07/08/2015 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
  - + Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 30/04/2015 theo Phụ lục số 01 ngày 07/08/2015;
  - + Lãi suất cho vay: 10%/năm theo Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 07/08/2015;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 8.193.362.776 đồng. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, khoản vay này đã quá hạn và Công ty đang làm các thủ tục để gia hạn khoản vay.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (2) Hợp đồng cho vay số 02/2013/HĐCV/GIVRAL-OCH ngày 04/11/2013 kèm Phụ lục Hợp đồng số 01, Phụ lục Hợp đồng số 02 ngày 05/11/2015 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
  - + Thời hạn vay: Gia hạn 10 năm cho đến năm 2023 theo Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng ngày 07/09/2016, trong đó sẽ ưu tiên trả nợ gốc vay trước trả nợ lãi vay;
  - + Lãi suất cho vay: 10%/năm theo Phụ lục hợp đồng ngày 02/01/2017;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 130.000.000.000 đồng.

c) Các khoản vay đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2017		01/01/2017	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	Công ty con	8.193.362.776	4.275.798.821	8.493.362.776	3.861.854.749
- Công ty Cổ phần Bánh Givral	Công ty con	130.000.000.000	39.364.892.644	140.000.000.000	32.427.670.422
		<b>138.193.362.776</b>	<b>43.640.691.465</b>	<b>148.493.362.776</b>	<b>36.289.525.171</b>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	VND	VND	VND	VND	
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>					
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	7.840.656.923	7.840.656.923	7.517.660.983	7.517.660.983	
- Công ty Cổ phần Fafim Việt Nam	430.050.722	430.050.722	400.991.247	400.991.247	
- Công ty Cổ phần Cung cấp dịch vụ Bảo vệ Việt Á	-	-	122.265.000	122.265.000	
- Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	468.936.450	468.936.450	468.936.450	468.936.450	
- Phải trả các đối tượng khác	488.824.060	488.824.060	202.413.583	202.413.583	
		<b>9.228.468.155</b>	<b>9.228.468.155</b>	<b>8.712.267.263</b>	<b>8.712.267.263</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>		<b>8.739.644.095</b>	<b>8.739.644.095</b>	<b>8.387.588.680</b>	<b>8.387.588.680</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)</i>					

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017	
	VND	VND	
- Trả trước tiền mua căn hộ dự án StarCity Nha Trang	6.809.531.306	12.956.361.947	
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	458.330.402	41.751.216	
		<b>7.267.861.708</b>	<b>12.998.113.163</b>

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	248.304.731	582.526.262	760.144.425	-	70.686.568
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.085.112.459	-	639.184.172	2.853.365.183	6.299.293.470	-
Trong đó:						
+ Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	6.835.084.953	-	-	-	6.835.084.953	-
+ Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động	-	2.749.972.494	639.184.172	2.853.365.183	-	535.791.483
- Thuế thu nhập cá nhân	-	253.674.682	457.459.365	397.983.465	-	313.150.582
- Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	<b>4.085.112.459</b>	<b>501.979.413</b>	<b>2.323.353.971</b>	<b>6.869.858.256</b>	<b>6.299.293.470</b>	<b>383.837.150</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí điện, nước	1.686.060.082	1.718.862.423
- Chi phí phải trả khác	16.363.636	236.566.101
	<b>1.702.423.718</b>	<b>1.955.428.524</b>

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	6.126.875	7.791.000
- Bảo hiểm xã hội	15.587.134	15.145.134
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.253.067	1.219.067
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả năm 2013	140.000.000.000	140.000.000.000
- Các khoản phải trả phải nộp khác	122.792.173.495	123.593.810.439
+ Phải trả Công ty TNHH Pegasus Thăng Long tương ứng 60% lợi ích được hưởng trong dự án Sài Gòn AirPort theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	116.042.770.800	116.042.770.800
+ Phải trả Công ty Cổ phần dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư tiền lãi vay	4.275.798.821	3.861.854.749
+ Phải trả khác	2.473.603.874	3.689.184.890
	<b>262.815.140.571</b>	<b>263.617.965.640</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.962.021.174	9.167.053.374
- Phải trả Công ty Cổ phần Bánh Givral tiền lãi vay	39.364.892.644	32.427.670.422
	<b>48.326.913.818</b>	<b>41.594.723.796</b>

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	2.000.000.000.000	4.493.439.505	6.329.814.592	(628.485.035.490)	1.382.338.218.607
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	(30.928.776.155)	(30.928.776.155)
Giảm khác (*)	-	-	-	(8.324.323.442)	(8.324.323.442)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>2.000.000.000.000</b>	<b>4.493.439.505</b>	<b>6.329.814.592</b>	<b>(667.738.135.087)</b>	<b>1.343.085.119.010</b>
Số dư đầu kỳ này	2.000.000.000.000	4.493.439.505	6.329.814.592	(703.786.904.532)	1.307.036.349.565
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(6.085.154.212)	(6.085.154.212)
Giảm khác do ảnh hưởng điều chỉnh lợi nhuận sau thuế của	-	-	-	(11.750.000.000)	(11.750.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>2.000.000.000.000</b>	<b>4.493.439.505</b>	<b>6.329.814.592</b>	<b>(721.622.058.744)</b>	<b>1.289.201.195.353</b>

(\*) Khoản điều chỉnh tài sản thuế Thu nhập hoãn lại của chi phí thuế không được khấu trừ tương ứng với chi phí lãi vay phát sinh cho hoạt động đầu tư vốn, phát sinh năm 2013, 2014.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	1.110.500.000.000	55,52%	1.110.500.000.000	55,52%
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	199.500.000.000	9,98%	199.500.000.000	9,98%
Các cổ đông khác	690.000.000.000	34,50%	690.000.000.000	34,50%
	<b>2.000.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>2.000.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	200.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.000.000	200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.000.000	200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	200.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

**e) Các quỹ của Công ty**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	4.493.439.505	4.493.439.505
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.329.814.592	6.329.814.592
	<b>10.823.254.097</b>	<b>10.823.254.097</b>

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

	Đơn vị tính	30/06/2017	01/01/2017
- Đô la Mỹ	USD	201,45	201,45

**23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.165.866.722	5.362.844.634
Doanh thu nhượng quyền kinh doanh bất động sản	10.153.228.888	43.463.635.545
	<b>17.319.095.610</b>	<b>48.826.480.179</b>
	<b>1.017.921.733</b>	<b>672.210.767</b>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.041.984.001	7.632.319.931
Chi phí nhượng quyền kinh doanh Bất động sản đầu tư	5.632.218.182	24.302.818.186
	<b>11.674.202.183</b>	<b>31.935.138.117</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.733.000.290	15.395.898.615
Lãi bán các khoản đầu tư	-	4.050.373.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	27.671.784.000	52.772.448.000
	<b>44.404.784.290</b>	<b>72.218.719.615</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	7.351.166.294	9.322.888.613
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	21.661.556.860	95.473.512.846
	<b>29.012.723.154</b>	<b>104.796.401.459</b>

**27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.301.508	36.684.211
Chi phí nhân công	3.014.879.461	2.075.200.316
Chi phí khấu hao tài sản cố định	185.970.362	189.946.428
Chi phí dự phòng	21.665.103.204	6.704.083.931
Thuế, phí, và lệ phí	28.700.576	65.721.821
Chi phí dịch vụ mua ngoài	477.718.225	507.300.510
Chi phí khác bằng tiền	482.830.830	919.303.001
	<b>25.867.504.166</b>	<b>10.498.240.218</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(9.352.557.776)	(45.346.096.454)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	6.347.090.546
- Chi phí không hợp lệ	-	6.347.090.546
- Thu nhập lãi phát sinh chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu kế toán	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(27.671.784.000)	(52.772.448.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(27.671.784.000)	(52.772.448.000)
- Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(37.024.341.776)	(91.771.453.908)
Thuế TNDN tạm ghi nhận theo tờ khai tạm nộp quý I	-	911.333.588
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành từ hoạt động kinh doanh chính (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>911.333.588</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	(6.835.084.953)	(9.310.078.295)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Tăng tài sản thuế hoãn lại	-	2.474.993.342
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>(6.835.084.953)</b>	<b>(5.923.751.365)</b>
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	4.521.010.706	19.160.817.359
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.521.010.706	19.160.817.359
Trong đó:		
- Thu nhập chịu thuế TNDN phát sinh kỳ này (thuế suất 20%)	1.962.302.610	19.160.817.359
- Thu nhập chịu thuế đã kê khai các năm trước (thuế suất 20%, 22%, 25%)	2.558.708.096	-
<b>Chi phí thuế TNDN phát sinh</b>	<b>984.777.259</b>	<b>3.832.163.472</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	245.088.869	-
Số thuế TNDN hoãn lại tạm nộp phát sinh kỳ này	1.634.781	748.212.310
Số thuế TNDN hoãn lại đã tạm nộp các năm trước tương ứng với giá trị người mua trả tiền trước chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu	(592.316.737)	(3.033.401.368)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành từ hoạt động kinh doanh bất động sản</b>	<b>639.184.172</b>	<b>1.546.974.414</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2.749.972.494	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(2.853.365.183)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh bất động sản</b>	<b>535.791.483</b>	<b>1.546.974.414</b>
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	639.184.172	2.458.308.002
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>(6.299.293.470)</b>	<b>(4.376.776.951)</b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	706.055.132	1.320.478.102
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>706.055.132</b>	<b>1.320.478.102</b>

**b) Chi phí thuế thu nhập hoãn lại**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	614.422.970	2.285.189.058
	<b>614.422.970</b>	<b>2.285.189.058</b>

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.181.861	65.182.040
Chi phí nhân công	3.608.277.009	2.777.699.940
Chi phí khấu hao tài sản cố định	203.575.268	325.848.523
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.242.875.032	8.393.804.575
Chi phí khác	23.806.578.997	6.568.025.071
	<b>31.909.488.167</b>	<b>18.130.560.149</b>

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.329.831.321	-	46.665.757.346	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.195.599.104.198	(780.503.101.439)	1.179.007.164.178	(758.837.998.235)
Các khoản cho vay	127.184.974.434	-	125.912.811.101	-
Đầu tư dài hạn	90.094.700.000	(14.310.497.907)	90.094.700.000	(14.965.877.967)
	<b>1.474.208.609.953</b>	<b>(794.813.599.346)</b>	<b>1.441.680.432.625</b>	<b>(773.803.876.202)</b>

**Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	138.193.362.776	148.493.362.776	320.370.522.544	313.924.956.699
Phải trả người bán, phải trả khác	1.702.423.718	1.955.428.524	1.702.423.718	1.955.428.524
Chi phí phải trả	<b>460.266.309.038</b>	<b>464.373.747.999</b>	<b>460.266.309.038</b>	<b>464.373.747.999</b>



Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### **Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

#### **Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### **Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.329.831.321	-	-	61.329.831.321
Phải thu khách hàng, phải thu khác	322.462.439.231	92.633.563.528	-	415.096.002.759
Các khoản cho vay	47.423.239.434	18.171.423.000	61.590.312.000	127.184.974.434
	<b>431.215.509.986</b>	<b>110.804.986.528</b>	<b>61.590.312.000</b>	<b>603.610.808.514</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.665.757.346	-	-	46.665.757.346
Phải thu khách hàng, phải thu khác	420.169.165.943	-	-	420.169.165.943
Các khoản cho vay	47.212.269.000	6.665.731.000	72.034.811.101	125.912.811.101
	<b>514.047.192.289</b>	<b>6.665.731.000</b>	<b>72.034.811.101</b>	<b>592.747.734.390</b>

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Vay và nợ	8.193.362.776	-	130.000.000.000	138.193.362.776
Phải trả người bán, phải trả khác	272.043.608.726	48.326.913.818	-	320.370.522.544
Chi phí phải trả	1.702.423.718	-	-	1.702.423.718
	<b>281.939.395.220</b>	<b>48.326.913.818</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>460.266.309.038</b>
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	8.493.362.776	-	140.000.000.000	148.493.362.776
Phải trả người bán, phải trả khác	272.330.232.903	41.594.723.796	-	313.924.956.699
Chi phí phải trả	1.955.428.524	-	-	1.955.428.524
	<b>282.779.024.203</b>	<b>41.594.723.796</b>	<b>140.000.000.000</b>	<b>464.373.747.999</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

### 33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Dịch vụ	Nhượng quyền kinh doanh Bất động sản	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	7.165.866.722	10.153.228.888	17.319.095.610
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>1.123.882.721</b>	<b>4.521.010.706</b>	<b>5.644.893.427</b>
Tài sản bộ phận	1.736.943.024.837	22.218.629.991	1.759.161.654.828
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.736.943.024.837</b>	<b>22.218.629.991</b>	<b>1.759.161.654.828</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	463.856.983.301	6.809.531.306	470.666.514.607
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>463.856.983.301</b>	<b>6.809.531.306</b>	<b>470.666.514.607</b>

**Theo khu vực địa lý:**

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 15)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>1.017.921.733</b>	<b>672.210.767</b>
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	Công ty mẹ	274.237.120	-
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	Công ty con	743.684.613	672.210.767
<b>Lãi vay</b>		<b>7.351.166.294</b>	<b>9.322.888.613</b>
Công ty Cổ phần dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	Công ty con	413.944.072	703.166.393
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Công ty con	6.937.222.222	8.619.722.220
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>9.645.318.701</b>	<b>8.531.788.055</b>
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	Công ty mẹ	4.356.474.461	4.054.813.629
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	Công ty con	4.956.385.715	4.138.332.641
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	Công ty con	330.948.313	330.948.313
Công ty Cổ phần Fafim Việt Nam	Công ty liên kết	1.510.212	7.693.472
<b>Phải thu về cho vay</b>		<b>127.184.974.434</b>	<b>125.912.811.101</b>
Công ty CP Viptour - Togi	Công ty con	43.174.163.333	43.000.000.000
Công ty CP Du lịch Khách sạn Suối Mơ	Công ty con	29.620.244.101	30.820.244.101
Công ty TNHH MTV Sao Hòm Nha Trang	Công ty con	54.390.567.000	52.092.567.000
<b>Phải thu khác ngắn hạn, dài hạn</b>		<b>818.778.599.233</b>	<b>873.391.068.427</b>
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	Công ty con	23.210.222.025	21.542.294.083
Công ty CP Viptour Togi	Công ty con	6.133.529.280	3.965.555.556
Công ty TNHH MTV Sao hòm Nha trang	Công ty con	162.000.000.000	219.660.770.860
Ông Hà Trọng Nam	Chủ tịch HĐQT	627.373.847.928	628.161.447.928
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>		<b>8.739.644.095</b>	<b>8.387.588.680</b>
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	Công ty mẹ	7.840.656.923	7.517.660.983
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	Công ty con	468.936.450	468.936.450
Công ty Cổ phần Fafim Việt Nam	Công ty liên kết	430.050.722	400.991.247
<b>Phải trả khác</b>		<b>44.444.227.320</b>	<b>37.281.396.026</b>
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	Công ty mẹ	803.535.855	991.870.855
Công ty Cổ phần dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	Công ty con	4.275.798.821	3.861.854.749
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Công ty con	39.364.892.644	32.427.670.422

3807  
CÔNG TY  
KHÁCH SẠN  
VÀ DỊCH VỤ  
ĐẠI DƯƠNG  
TP

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	933.709.500	943.621.439

### 35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Người lập biểu

Bùi Văn Hường

Kế toán trưởng

Phạm Lương Hoàng

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Lan Hương

Số: 132/2017/CV-OCH  
V/v: Giải trình thông tin BCTC bán niên năm  
2017 đã soát xét

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất bán niên năm 2017 của Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương trước và sau khi được soát xét;

Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương giải trình các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2017 đã được soát xét như sau:

**I. Giải trình Lợi nhuận sau thuế TNDN kỳ bán niên đã soát xét năm 2017 thay đổi từ 10% so với bán niên năm 2016.**

**1. Báo cáo tài chính hợp nhất:**

Chỉ tiêu LNST trên Báo cáo KQKD Hợp nhất bán niên năm 2017 lỗ 38,04 tỷ đồng trong khi bán niên năm 2016 chỉ tiêu này lỗ 98,44 tỷ đồng, giảm lỗ 60,39 tỷ đồng tương ứng tỉ lệ 61% do những nguyên nhân sau:

- (1) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 21,4 tỷ đồng (kỳ này là 400,2 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 378,7 tỷ đồng). Giá vốn hàng bán giảm 3,5 tỷ đồng (kỳ này là 240 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 243,5 tỷ đồng).
- (2) Doanh thu tài chính giảm 8,6 tỷ đồng (kỳ này là 5,9 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 14,5 tỷ đồng). Chi phí tài chính giảm 49,2 tỷ đồng (kỳ này là 43,5 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 92,7 tỷ đồng).
- (3) Chi phí bán hàng giảm 6,1 tỷ đồng (kỳ này là 40 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 46,1 tỷ đồng).
- (4) Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 22 tỷ đồng (kỳ này là 95,2 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 73,1 tỷ đồng).

**2. Báo cáo tài chính riêng:**

Chỉ tiêu LNST trên Báo cáo KQKD riêng bán niên năm 2017 lỗ 6,08 tỷ đồng trong khi bán niên năm 2016 chỉ tiêu này lỗ 30,9 tỷ đồng, giảm lỗ 24,8 tỷ đồng tương ứng tỉ lệ 80% do những nguyên nhân sau:

- (1) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 31,5 tỷ đồng (kỳ này là 17,3 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 48,8 tỷ đồng). Giá vốn hàng bán giảm 20,2 tỷ đồng (kỳ này là 11,6 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 31,9 tỷ đồng).
- (2) Doanh thu tài chính giảm 27,8 tỷ đồng (kỳ này là 44,4 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 72,2 tỷ đồng). Chi phí tài chính giảm 75,7 tỷ đồng (kỳ này là 29 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 104,7 tỷ đồng).



(3) Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 15,3 tỷ đồng (kỳ này là 25,8 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 10,4 tỷ đồng).

## **II. Giải trình số liệu KQKD bán niên năm 2017 đã soát xét thay đổi trên 5% so với BCTC Quý 2/2017 đã công bố.**

### **1. Báo cáo tài chính riêng:**

Chỉ tiêu LNST lũy kế trên BCTC Quý 2/2017 đã công bố lỗ 7,7 tỷ đồng và với BCTC bán niên đã soát xét lỗ 6,08 tỷ đồng thì giảm lỗ 1,6 tỷ đồng tương ứng tỉ lệ 21%. Nguyên nhân chênh lệch do sau khi soát xét làm giảm chi tiêu Chi phí tài chính 1,6 tỷ đồng: vì khi thực hiện soát xét BCTC riêng tại OCH thì nhận được BCTC đã soát xét của một số đơn vị OCH có tham gia góp vốn nên chi phí dự phòng giảm, qua đó tác động làm LNST giảm tương ứng.

## **III. Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ và ý kiến nhấn mạnh thể hiện trong Báo cáo tài chính như sau:**

### **1. Báo cáo tài chính hợp nhất:**

#### **1.1 Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:**

- a. “Tại ngày 30/06/2017, Công ty đang ghi nhận một khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư (“Viptour”) với số tiền 40.600.000.000 VND về đặt cọc để nhận chuyển nhượng 4.055.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Viptour-Togi, trong đó bao gồm số tiền 18.714.461.700 VND trong tài khoản đồng sở hữu giữa Công ty, Công ty đang làm việc với Viptour về việc thu hồi khoản ứng trước 21.885.538.300 VND còn lại. Đồng thời Công ty có khoản phải thu Công ty TNHH VNT (“VNT”) sau khi trích lập dự phòng là 145.561.692.501 VND, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang làm việc với VNT để thu hồi khoản khoản phải thu này. Chúng tôi chưa có đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của khoản phải thu và ứng trước này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không. Chi tiết xem thuyết minh số 06 và 08 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất”.

**Giải trình OCH :** Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư: Đối tác này vẫn đang có các hoạt động sản xuất kinh doanh và thể hiện trách nhiệm thanh toán đối với các khoản công nợ: Công ty đã có biên bản làm việc với Công ty Viptour về việc đồng ý chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng, Công ty Viptour nhận trách nhiệm hoàn trả lại tiền sau khi có ý kiến của Đại hội cổ đông, sử dụng toàn bộ cổ phiếu của Công ty CP Viptour - Togi làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả tiền của Viptour. Tại thời điểm 30/06/2017 Công ty tiếp tục làm việc với Công ty Viptour về việc thanh lý hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và thu hồi khoản tiền đã chuyển cho Viptour.

Khoản phải thu VNT: Chủ yếu là số tiền OCH đầu tư vào dự án bất động sản mà Công ty TNHH VNT làm chủ đầu tư. Xác định cần tập trung vốn cho các hoạt động kinh doanh chính Công ty đã thỏa thuận với VNT chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư và VNT có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ vốn góp. Đối tác này vẫn đang có các hoạt động sản xuất kinh doanh và thể hiện trách nhiệm thanh toán đối với các khoản công nợ. Đến thời điểm lập báo cáo hợp nhất Công ty VNT đã thực hiện một phần nghĩa vụ hoàn trả vốn cho OCH. Đồng thời OCH vẫn đang tiếp tục thực hiện các biện pháp để đôn đốc, thu hồi khoản tiền này. Tại thời điểm 30/06/2017, OCH đã tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản này dựa trên dựa trên thời gian quá hạn thanh toán quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009. OCH tin tưởng việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi là thận trọng và phù hợp với các thông tin mà OCH có được tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- b. “Tại ngày 30/06/2017, Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang cho Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng Tiền Nha Trang với số tiền gốc là: 162.200.000.000 VND và lãi phát sinh tương ứng là 35.552.260.551 VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban lãnh đạo Công ty TNHH MTV Sao hôm Nha Trang đang làm việc để thu hồi

khoản gốc và lãi phải thu nêu trên. Theo đó, chúng tôi chưa có đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi khoản này cũng như không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không. Chi tiết xem thuyết minh số 07 và số 08 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất”.

**Giải trình của OCH:** OCH và Sao Hôm Nha Trang vẫn đang tiếp tục thực hiện các biện pháp để đôn đốc, thu hồi khoản tiền gốc và lãi này từ Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng tiền Nha. Đối tác này vẫn đang hoạt động sản xuất kinh doanh và thể hiện trách nhiệm đối với các khoản công nợ này. Do đó, Ban điều hành Công ty con của Công ty, tin tưởng rằng khoản phải thu trên có thể thu hồi được toàn bộ và không có dấu hiệu của việc suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo.

- c. 'Tại ngày 30/06/2017, Công ty mẹ và các Công ty con đang trình bày khoản Cho vay ngắn hạn, Phải thu khác và khoản Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác sau khi trích lập dự phòng là 217.920.801.814 VND (Chi tiết tại Thuyết minh số 04d (i), Thuyết minh số 06 (i), Thuyết minh số 07 (2) và Thuyết minh số 08 (i) của Báo cáo tài chính hợp nhất. Hiện tại, Công ty chưa thu thập được căn cứ để xác định số dự phòng cần trích lập. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định liệu có phải cần thiết điều chỉnh số dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty hay không”.

**Giải trình của OCH:** OCH và công ty con vẫn đang tiếp tục thực hiện các biện pháp để đôn đốc, thu hồi các khoản hỗ trợ vốn này và thực hiện các thủ tục đòi nợ theo quy định của pháp luật. Các đối tác này vẫn đang có các hoạt động sản xuất kinh doanh và thể hiện trách nhiệm thanh toán đối với các khoản công nợ này. Tại thời điểm 30/06/2017, OCH và công ty con đã tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản này dựa trên dựa trên thời gian quá hạn thanh toán quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009. OCH và công ty con đánh giá thận trọng theo Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 dựa trên BCTC chưa được kiểm toán và các thông tin khác có liên quan đến các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để tiến hành trích lập dự phòng. Đồng thời, tại ngày lập báo cáo hợp nhất các công ty con của OCH vẫn chưa thu thập được báo cáo tài chính của một số bên nhận đầu tư làm căn cứ đánh giá trích lập dự phòng. OCH và công ty con tin tưởng việc trích lập dự phòng là thận trọng và phù hợp với các thông tin mà OCH và công ty con có được tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

## 1.2 Ý kiến nhấn mạnh:

“Tại thời điểm 30/06/2017, Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư (IOC) - Công ty con của Công ty có các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn và lỗ lũy kế lớn có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của IOC. Tuy nhiên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2017 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục của IOC do Ban Giám đốc Công ty IOC tin tưởng rằng sẽ cơ cấu lại thời hạn trả nợ với tổ chức tín dụng dựa trên nguồn thu của hoạt động kinh doanh và tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của cổ đông, nhà đầu tư. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này”.

**Giải trình của OCH:** Hiện tại, hoạt động của Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư (IOC) vẫn đang diễn ra bình thường, khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn và lỗ lũy kế là liên quan đến việc phát hành trái phiếu, không có tài sản đảm bảo cho Maritime bank. Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của công ty vẫn dương và doanh thu ổn định tăng trưởng qua các năm. Ban Tổng Giám đốc Công ty OCH và IOC tin tưởng rằng sẽ cơ cấu lại thời hạn trả nợ với tổ chức tín dụng dựa trên nguồn thu của hoạt động kinh doanh và tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của cổ đông, nhà đầu tư nên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2017 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục của IOC.



## 2. Báo cáo tài chính riêng:

Các ý kiến ngoại trừ và vấn đề khác được giải trình tương tự như các giải trình đối với báo cáo tài chính hợp nhất.

Trên đây là những nội dung giải trình về KQKD trên Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kỳ bán niên năm 2017 đã được soát xét của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương.

Rất mong nhận được sự quan tâm giúp đỡ và hợp tác của Quý Cơ quan.

Trân trọng cảm ơn!

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM.CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ  
DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG**

**Tổng Giám Đốc**



**Nguyễn Thị Lan Hương**